TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2018/HSST
Ngày: 26 – 03 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Thành

2. Ông Phạm Xuân Đính

-Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

-Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Thân Văn Chẻo – Kiểm sát V.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 114/2017/HSST ngày 27 tháng 12 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/HSST-QĐ ngày 16/3/2018 đối với các bị cáo:

1. PHẠM VĂN H, sinh ngày 30/10/1999 tại Bình Phước; Tên gọi khác: không; Đến thời điểm phạm tội bị cáo được 17 tuổi 11 tháng 07 ngày; Nơi ĐKHKTT: tổ A, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Khu tập thể Công ty TNHH Lê Vy; xã T, huyện H, Bình Phước; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc H; tiền án: không; tiền sự: 01(Ngày 20/12/2016 bị Công an huyện Hớn Quản, Bình Phước xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2017 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người Đ diện hợp pháp của bị cáo: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1977 (Ba ruột). Có mặt; Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984 (Mẹ ruột); Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

2. NGUYỄN DUY Đ, sinh ngày 14/10/2000 tại Bình Phước; Tên gọi khác: không; Đến thời điểm phạm tội bị cáo được 16 tuổi 11 tháng 23 ngày; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Duy V và bà Nguyễn Thị O; tiền án; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2017 ngày 12/02/2018 được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người Đ diện hợp pháp của bị cáo: Ông Nguyễn Duy V, sinh năm 1974 (Ba ruột); bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1980 (Mẹ ruột); Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

- **Bị hại:** Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2004;

Người Đ diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1975 (Ba ruột); Nơi cư trú: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 07/10/2017 Phạm Văn H rủ Nguyễn Duy Đ đi cướp giật điện thoại, H nói với Đ " mày dám đi giật điện thoại không, đi ban ngày" thì Đ đồng ý. H chuẩn bị 01 con dao thái lan, cán bằng nhựa, màu vàng cất giấu trong người rồi đưa cho Đ cầm. H điều khiển xe mô tô biển số 93P1-153.00 chở Đ lưu thông trên quốc lộ 13 hướng Minh Hưng đi Chơn Thành, rẽ sang quốc lộ 14 đi xã Minh Lập để tìm người có tài sản cướp giật. Khi đến khu vực tổ 8, khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, Đ và H phát hiện Nguyễn Hoài Tri Ân điều khiển xe đạp điện chở phía sau Nguyễn Thị Yến N đang cầm điện thoại Samsung Galaxy J2 đi hướng Minh Thành đi Chơn Thành. Lúc này H nói với Đ " làm luôn nha, kèo thơm mày giật", H kêu Đ giật chiếc điện thoại trên. H quay đầu xe rồi đuổi theo áp sát bên trái xe đạp điện của Ân. Đ dùng tay phải giật chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 của N rồi H tăng ga bỏ chạy. Lúc này anh Nguyễn Văn S phát hiện nên dùng xe mô tô đuổi theo đến khu vực tổ A, khu phố T, huyện C thì H và Đ té ngã. Anh S và người dân bắt giữ H còn Đ bỏ chạy. Đến 16 giờ cùng ngày, Công an bắt giữ được Đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 108 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chơn Thành xác định điện thoại di động Samsung Galaxy J2 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 1.000.000 đồng.

Trách Nệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã khắc phục hậu quả, sửa chữa điện thoại cho người bị hại. Người Đ diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Vật chứng vụ án: 01 con dao thái lan dài khoảng 20cm do Đ giữ, khi bỏ chạy đã thất lạc, không thu hồi được; 01 điện thoại Samsung Galaxy J2, màu vàng đồng là tài sản của

Nguyễn Thị Yến N; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 93P1-153.00 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Duy V. Ông V không biết Đ sử dụng vào mục đích phạm tội. Do vậy cơ quan Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Số tiền 300.000 đồng và 01 nón bảo hiểm màu tím tạm giữ được xác định là tài sản của Nguyễn Duy Đ, không liên quan đến vụ án.

Bản cáo trạng số 10/Ctr-VKS ngày 24/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Duy Đ về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách Nệm hình sự. Các bị cáo đã khắc phục hậu quả, sữa chữa điện thoại cho người bị hại và người bị hại, Đ diện hợp pháp của người bị hại có đơn bãi nại cho các bị cáo. Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo là người chưa thành niên phạm tội; gia đình bị cáo H có công với cách mạng. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Duy Đ và Phạm Văn H về tội "Cướp giật tài sản" và áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 58, 91 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Duy Đ mức án từ 30 tháng đến 34 tháng tù cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa người Đ diện hợp pháp của bị hại xin bãi nại cho các bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa: Bị cáo Phạm Văn H và Nguyễn Duy Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận nên kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra V, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, phù hợp với các lời khai của người bị hại, người làm chứng cũng như phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 07 tháng 10 năm 2017 Phạm Văn H điều khiển xe mô tô biển số 93P1-153.00 chở phía sau Nguyễn Duy Đ lưu thông trên quốc lộ 14 đến tổ 8, khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành thì phát hiện Nguyễn Thị Yến N ngồi phía sau xe đạp điện và cầm 01 điện thoại Samsung Galaxy J2. H áp sát xe N, rồi Đ nhanh chóng giật điện thoại trên. Sau đó H chở Đ tăng ga bỏ chạy. Trị giá 01 điện thoại H và Đ chiếm đoạt là 1.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản". Các bị cáo điều khiển xe mô tô là phương tiện nguy hiểm để cướp giật tài sản của người khác đang lưu thông trên đường, vì vậy các bị cáo phải chịu tình tiết định khung "dùng thủ đoạn nguy hiểm". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã sữa đổi bổ sung năm 2009.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác đồng thời gây mất an ninh trật tự địa phương, vi phạm nghiêm trọng về đạo đức, lối sống. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; các bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Đây là vụ án đồng phạm, trong đó bị cáo H là người khởi xướng và bị cáo Đ cùng H thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Cáo trạng số 10/Ctr-VKS ngày 24/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, sửa chữa điện thoại cho người bị hại. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo là người chưa thành niên phạm tội. Các bị cáo phạm tội lần đầu. Người Đ diện hợp pháp của bị hại đã có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Bị cáo Đ chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo H là gia đình có công với cách mạng, có hoàn cảnh khó khăn nên cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và cần áp dụng chính sách khoan hồng của Pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội nên chỉ cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo là phù hợp.

Đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng"*. Tuy Nên, theo quy định tại khoản 6 Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách Nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng: Số tiền 300.000 đồng và 01 nón bảo hiểm màu tím tạm giữ được xác định là tư vật của bị cáo Nguyễn Duy Đ, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho Đ.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn H** và bị cáo **Nguyễn Duy Đ** phạm tội **"Cướp giật tài sản".**

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 65 và Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

2. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn H 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo.** Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước quản lý, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 50, 58, 65 và Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

3. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy Đ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Duy Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước quản lý, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Trả lại cho Nguyễn Duy Đ số tiền 300.000 đồng và 01 nón bảo hiểm màu tím

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người Đ diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người Đ diện hợp pháp của người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Việt Thành – Phạm Xuân Đính	**Bùi Thanh Thảo**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Bùi Thanh Thảo